

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/DS-ST

Ngày: 23-7-2025

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Chí

Ông Trần Minh Lý

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Hà, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Tây Ninh.

Trong ngày 23 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 266/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mỹ T, sinh năm 1991; Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An. Nay là xã M, tỉnh Tây Ninh. (Xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Hùng C, sinh năm 1982; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An. Nay là xã M, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ T trình bày:

Hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ T và ông Nguyễn Hùng C đến với nhau do quen biết, vợ chồng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Long An (nay là Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Tây Ninh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 59/2016 ngày 23/9/2016.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng sinh sống ở ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An nay là xã M, tỉnh Tây Ninh. Từ năm 2022, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vấn đề kinh tế gia đình, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến thường

xuyên cãi nhau. Đầu năm 2025, ông C về nhà mẹ ruột ở ấp T để sinh sống cho đến nay. Thời gian ly thân thì vợ chồng cũng không có mong muốn đoàn tụ. Do đó, bà T xét thấy vợ chồng không còn tình cảm nên yêu cầu ly hôn.

Con chung: Nguyễn Lê Yến V, sinh ngày 27/6/2008 hiện đang sinh sống chung với bà T. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu nuôi con, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, bị đơn ông Nguyễn Hùng C mặc dù đã được Tòa án cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông C không cung cấp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà căn cứ các kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, căn cứ Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Tây Ninh. Quan hệ tranh chấp ly hôn căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 các Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt: Bà Lê Thị Mỹ T có đơn xin vắng mặt, ông Nguyễn Hùng C vắng mặt không có lý do dù đã được tổng đạt hợp lệ nhiều lần. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị Mỹ T và ông Nguyễn Hùng C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Long An, nay là xã M, tỉnh Tây Ninh vào năm 2016, đúng với quy định tại Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình thụ lý giải quyết, Tòa án đã tổ chức hòa giải để vợ chồng có điều kiện đoàn tụ nhưng bà T vẫn kiên quyết ly hôn và ông C không đến hòa giải.

Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành và hiện nay vợ chồng không còn sống chung. Do đó, căn cứ Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*, xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông C đã trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân

không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Mỹ T với ông Nguyễn Hùng C.

[4] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Lê Yến V, sinh ngày 27/6/2008, hiện đang con chung đang sinh sống với bà T. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, ông C không cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết, ông C không có văn bản phản đối về yêu cầu của bà T. Xét con chung đang có cuộc sống ổn định với bà T nên Hội đồng xét xử giao con chung cho bà T nuôi dưỡng và ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Tài sản chung, nợ chung: bà T trình bày không có nên không xét.

[6] Về án phí: Bà Lê Thị Mỹ T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 29, 51, 53, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Mỹ T về việc xin ly hôn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ T được ly hôn với ông Nguyễn Hùng C.

Về con chung: Bà Lê Thị Mỹ T tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Lê Yến V, sinh ngày 27/6/2008. Ông Nguyễn Hùng C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; cấp dưỡng nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83, 85, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Mỹ T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Chuyển

300.000đ tiền tạm ứng mà bà T đã nộp theo biên lai thu số 0014392 ngày 08/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7) sang án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 7, tỉnh Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã Mỹ Lộc;
- Lưu hồ sơ, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phương Thảo